

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20/4/2021

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình về ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Kiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Văn Mừng;
2. Ông Huỳnh Tấn Khoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lê Hoàng Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 839/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 154/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Mộng Ngh, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ 8, ấp HT, xã NTS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang; có mặt.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1998; địa chỉ: ấp KB 2, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng Ngh trình bày, bà và ông V quen biết, tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2015, vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, bất đồng quan**

điêm, vợ chồng không còn chung sống với nhau khoảng 01 năm nay. Nhận thấy tình cảm không còn, nay tôi yêu cầu ly hôn với ông V.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Quốc H, sinh ngày 11/8/2016 hiện do tôi đang nuôi dưỡng, tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng theo đúng quy định cho ông V, nhưng ông V vắng mặt, nên không thể ghi nhận ý kiến của ông V.

Tại phiên tòa,

- Bà Nguyễn Thị Mộng Ngh trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, bà Nghi không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà Nguyễn Thị Mộng Ngh và ông Nguyễn Thành V chung sống có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà và ông V là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Xét thấy, từ khi bà Nghi gửi đơn khởi kiện, ông V không có ý kiến phản hồi, đến nay bà Nghi khẳng định không còn tình cảm với ông V. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nghi đối với ông V theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu bà Nghi, giao cháu Quốc H cho bà Nghi tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Do bà Nghi không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; xem xét, quyết định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

### [1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Mộng Ngh khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành V. Đồng thời, ông V cư trú trên địa bàn huyện CM. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Thành V đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

### [2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Giữa bà Nghi và ông V tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nghi, ông V là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà Nghi xác định, quá trình chung sống cả hai đã có nhiều mâu thuẫn, thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2015, thì phát sinh mâu thuẫn, do cả hai bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, có thời gian tự sống ly thân được hơn 01 năm nay, nay bà Nghi xác định không còn tình cảm với ông V.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn tình cảm, giữa bà Nghi và ông V không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng, sau thời gian mâu thuẫn, bà Nghi và ông V không hàn gắn tình cảm, cả hai cũng có thời gian sống ly thân hơn 01 năm nay. Bên cạnh đó, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, cũng như xét xử vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho ông V, nhưng ông V không có ý kiến phản hồi về yêu cầu ly hôn của bà Nghi. Do vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà Nghi và ông V là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc bà Nghi yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nghi.

[2.2] Về con chung: Bà Nghi xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng ông bà 01 con chung tên Nguyễn Quốc H, sinh ngày 11/8/2016. Bà Nghi yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu Quốc H đang được bà Nghi chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định; trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông V cũng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu con chung. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu Quốc H phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Hội đồng xét xử giao cháu Quốc H cho bà Nghi tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà Nghi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nghi xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Mộng Ngh phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Thành V không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 53, các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;*

*Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng Ngh;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mộng Ngh được ly hôn với ông Nguyễn Thành V. Giấy chứng nhận kết hôn số 159 ngày 15/6/2018 do Ủy ban nhân dân xã Nam Thái Sơn, Hện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp, không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Mộng Ngh được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Quốc H, sinh ngày 11/8/2016. Ông Nguyễn Thành V không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Nguyễn Thị Mộng Ngh cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Thành V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mộng Ngh phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/ 0013768 do Chi cục Thi hành án dân sự Hện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 28 tháng 10 năm 2020; bà Nguyễn Thị Mộng Ngh đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Thành V không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị Mộng Ngh mặt, có quyền kháng cáo đề yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Thành V là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Ủy ban nhân dân xã Nam Thái Sơn, Hện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (1);
- Các đương sự (để thi hành) (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trung Kiên**